

Số: 80/2024/QĐST-HNGĐ

T D, ngày 26 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh B Tr A. Sinh năm 1986

Trú tại: Khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị L Th H. Sinh năm 1988

Trú tại: Khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh B Tr A. Sinh năm 1986

Trú tại: Khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị L Th H. Sinh năm 1988

Trú tại: Khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh B Tr A và chị L Th H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung B L D Kh, sinh ngày 27/11/2012 cho chị L Th H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18

tuổi. Anh B Tr A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị L Th H không yêu cầu. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Anh B Tr A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh B Tr A và chị L Th H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh B Tr A và chị L Th H thỏa thuận anh B Tr A tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0007426 ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho anh Anh 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T D;
- Cơ quan THADS T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Anh, H.Nam Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Moong Công Hải